



# GIẤY PHÉP

## CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
**CỤC VIỄN THÔNG**

Số: 361 /GP-CVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

## **GIẤY PHÉP**

### **CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

(Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2024)

Cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2014

### **CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG**

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;  
Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 7 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Xét Đơn đề nghị cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 4884/VMS-PTM&KHBH&TCKT ngày 12/9/2014, Đơn số 5619/VMS-PTM&KHBH&TCKT ngày 21/10/2014, công văn số 5299/VMS-PTM ngày 03/10/2014 và công văn số 5618/VMS-PTM ngày 21/10/2014 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Công ty Thông tin Di động (VMS);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Thị trường,

### **NAY CHO PHÉP**

**Điều 1.** Doanh nghiệp: CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG

Tên giao dịch: CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MOBILE TELECOM SERVICES COMPANY

Tên viết tắt: VMS

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Mobifone, Lô VP1, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp), được cung cấp dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

**1. Loại hình dịch vụ:** Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012 trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 bao gồm các dịch vụ sau:

- Dịch vụ viễn thông cơ bản gồm dịch vụ điện thoại (thoại, fax, truyền số liệu trong băng thoại), dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ hội nghị truyền hình, dịch vụ kênh thuê riêng, dịch vụ kết nối Internet, dịch vụ mạng riêng ảo;

- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng bao gồm dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256 kb/s và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên;

- Dịch vụ viễn thông công cộng thêm bao gồm dịch vụ hiển thị số chủ gọi, dịch vụ giấu số gọi, dịch vụ bắt số, dịch vụ chờ cuộc gọi, dịch vụ chuyển cuộc gọi, dịch vụ chặn cuộc gọi, dịch vụ quay tắt số.

**2. Phạm vi cung cấp dịch vụ:** Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại Khoản 1 Điều này trên phạm vi toàn quốc.

**3. Phương thức cung cấp dịch vụ:** Trực tiếp.

**4. Hình thức thanh toán:** Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông nêu tại Khoản 1 Điều này theo hình thức thanh toán giá cước trả trước và trả sau.

**5. Thuê kênh và kết nối:** Doanh nghiệp được sử dụng mạng viễn thông công cộng thiết lập theo Giấy phép số ~~362~~ GP-CVT ngày ~~31~~ tháng ~~10~~ năm 2014 và thuê kênh của các doanh nghiệp viễn thông khác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho công cộng và kết nối với mạng, dịch vụ của các doanh nghiệp viễn thông khác, kết nối trực tiếp đi quốc tế, kết nối với các trạm trung chuyển Internet; có nghĩa vụ cho các mạng, dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp khác kết nối vào mạng, dịch vụ viễn thông của mình theo quy định về quản lý kết nối viễn thông.

**6. Tài nguyên viễn thông:** Doanh nghiệp được cấp và sử dụng kho số viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông, được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy định về quản lý tài nguyên Internet.

**7. Giá cước:** Thực hiện các quy định về quản lý giá cước viễn thông.

**8. Chất lượng dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng viễn thông.

**9. Triển khai giấy phép:** Thực hiện đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tại các địa phương đã được phê duyệt.

**Điều 2.** Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có nghĩa vụ sau:

1. Đầu tư, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thực động và theo các nội dung trong Hồ sơ;
2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng viễn thông;
3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin;
4. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp;
5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ viễn thông;
6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ;
7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật;
8. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
9. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định;
10. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**GỤC TRƯỞNG**



Phạm Hồng Hải